| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BẾN TRE**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **36** /2023/QĐST-DS | *Thành phố Bến Tre, ngày 18 tháng 5 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành được lập ngày 10 tháng 5 năm 2023 các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 112A/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023.

## XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1963

Địa chỉ: 316A, khu phố 3, phường Phú T, thành phố B, tỉnh B

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: Bà Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1996. Địa chỉ: 104A3, khu phố Bình K, phường 6, thành phố B, tỉnh B

*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1966

Địa chỉ: 341D, khu phố 3, phường 5, thành phố B, tỉnh B

2.Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị U có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền 196.200.000 đ (Một trăm chín sáu triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó tiền vốn gốc là 180.000.000 đ (Một trăm tám mười triệu đồng) và tiền lãi 16.200.000 đ (Mười sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 29/7/2022 giữa ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị U theo số công chứng 1786/HĐTC quyển số 07/2022 TP-CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Đồng Khởi chấm dứt hiệu lực từ ngày 10/5/2023.

Ghi nhận việc ông Nguyễn Ngọc T đồng ý trả lại cho bà Nguyễn Thị U bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị U ký hiệu BT 665967 do Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre cấp ngày 19/3/2015 đối với thửa đất số 26, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại phường 5, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị U phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.452.500 đ (Hai triệu bốn trăm năm hai nghìn năm trăm đồng).

- Ông Nguyễn Ngọc T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.452.500 đ (Hai triệu bốn trăm năm hai nghìn năm trăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.838.000 đ (Bốn triệu tám trăm ba tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002802 ngày 07/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Ông T được nhận lại số tiền chênh lệch là 2.385.500 đ (Hai triệu ba trăm tám lăm nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí nêu trên.

4.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**
**(Đã ký)**

**Nguyễn Thanh Thuở**